

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-TCDS, ngày 04 tháng 12 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mậu T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mậu T1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1954; địa chỉ: Số nhà 14 NC, ngách 31/1 P, phường, quận T, Thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Mậu C, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế,

- Ông Nguyễn Mậu T2, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 4, T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1937; địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Mậu C, ông Nguyễn Mậu T, ông Nguyễn Mậu T1 và ông Nguyễn Mậu T2;

- Di sản thừa kế của ông Nguyễn Mậu Đ và bà Nguyễn Thị M để lại gồm thửa đất số 652, tờ bản đồ số 4 nay là thửa đất 1010 tờ bản đồ số 6, có diện tích 346,8m², vị trí thửa đất tại thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 970316 ngày 22/9/1992 mang tên Nguyễn Mậu Đ, có giá 26.044.400 đồng.

Các đồng thừa kế thỏa thuận di sản thừa kế của ông Nguyễn Mậu Đ và bà Nguyễn Thị M giao cho ông Nguyễn Mậu T và ông Nguyễn Mậu T1 được hưởng, cụ thể:

* Ông Nguyễn Mậu T được quyền quản lý, sử dụng 187,8m², trong đó 100m² đất ở và 87,8m² đất vườn có giá 13.497.400 đồng; trên diện tích đất đã xây dựng 01 ngôi nhà kiên cố có diện tích 94,2m², mái che và hàng rào xây bao quanh, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp với đường bê tông, vị trí từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 11,91m;

+ Phía Nam giáp với thửa đất 1037, vị trí từ điểm 5 đến điểm 4 có kích thước 13,15m;

+ Phía Đông giáp với thửa đất 1036, vị trí từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước 14,88m;

+ Phía Tây giáp với nhà ông Nguyễn Mậu T1, vị trí từ điểm 2 đến điểm 5 có kích thước 15,15m.

* Ông Nguyễn Mậu T1 được quyền quản lý, sử dụng 159,0m², trong đó 100m² đất ở và 59,0m² đất vườn có giá 12.547.000 đồng; trên diện tích đất đã xây dựng 01 ngôi nhà kiên cố có diện tích 94,2m², mái che và hàng rào xây bao quanh, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp với đường bê tông, vị trí từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 10,55m;

+ Phía Nam giáp với thửa đất 1037 và 1038, vị trí từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước 9,22m; từ điểm 7 đến điểm 8 có kích thước 1,06m.

+ Phía Đông giáp với nhà ông Nguyễn Mậu T, vị trí từ điểm 2 đến điểm 5 có kích thước 15,15m;

+ Phía Tây giáp với thửa đất 1039, vị trí từ điểm 1 đến điểm 8 có kích thước 15,26m. (Có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Mậu T và ông Nguyễn Mậu T1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Mậu T và ông Nguyễn Mậu T1 thỏa thuận: Ông T phải chịu 337.435 đồng nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003751, ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Ông T1 phải chịu 313.675 đồng án phí dân sự.

- Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Mậu T thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá 4.800.000 đồng đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN*(Đã ký)***Nguyễn Thị Nhàn**